

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 04/CV-DLLĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng về việc giải trình, chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở “Khu du lịch sinh thái thác Datanla và bãi đậu xe dưới tán rừng” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng địa chỉ tại 01 Lê Đại Hành, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu du lịch sinh thái thác Datanla và bãi đậu xe dưới tán rừng” địa chỉ tại Tiểu khu 266B rừng phòng hộ môi trường cảnh quan và địa bàn hành chính phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu du lịch sinh thái thác Datanla và bãi đậu xe dưới tán rừng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 266B rừng phòng hộ môi trường cảnh quan và địa bàn hành chính phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 5800271921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định chủ trương đầu tư số 686/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1.4. Mã số thuế: 5800271921.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ du lịch sinh thái, tham quan kết hợp các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao mạo hiểm, du lịch khám phá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 104,4269 ha (tương đương 1.044.269 m², căn cứ các Hợp đồng thuê đất số 102/HĐ-ĐĐ ngày 16 tháng 7 năm 2015 và 150/HĐ-ĐĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng. Trong đó:
 - + Giai đoạn 1: 1.010.569,3 m² (đã hoàn thành), bao gồm:
 - o Khu du lịch thác Datanla có tổng diện tích 942.076 m², trong đó diện tích đất, đất mặt nước, thác nước hiện trạng phải giữ nguyên hiện trạng là 931.981 m²;
 - o Bãi đậu xe dưới tán rừng có tổng diện tích 68.493,3 m², trong đó diện tích đất, đất mặt nước, thác nước hiện trạng phải giữ nguyên hiện trạng là 49.786,3 m²; diện tích đất rừng thông lấp đất vì trồng cỏ Turpave để đỗ xe là 15.623 m².
 - + Giai đoạn 2: 33.699,7 m² (tiếp tục triển khai).
- Công suất: 1,2 triệu lượt khách/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày.....tháng.....năm 2025 đến ngày.....tháng....năm 2032).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng;
- Lưu: VT, KSONMT, Hiệu.9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu nhà xe trượt mới (khu vực bãi đậu xe).
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu nhà điều hành nhà xe trượt mới.
- Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu HRC.
- Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu Zipline.
- Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu nhà hàng Datanla.
- Nguồn thải số 06: Nước thải nhà ăn của khu nhà hàng Datanla.
- Nguồn thải số 07: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu thác 3.
- Nguồn thải số 08: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách phát sinh từ khu thác 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Suối Datanla, Tiểu khu 266B rừng phòng hộ môi trường cảnh quan và địa bàn hành chính phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Datanla, Tiểu khu 266B rừng phòng hộ môi trường cảnh quan và địa bàn hành chính phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X =1316445; Y =576004 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được bơm vào hố ga cuối sau đó tự chảy ra suối Datanla.
- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	°C	5 – 9	03 tháng/lần (theo đề nghị của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01 đến nguồn số 05 và nguồn số 07, 08) được đưa qua các bể tự hoại (06 bể có thể tích thiết kế 9,6m³/bể, đặt tại các khu vực: nhà xe trượt mới và khu nhà điều hành nhà xe trượt mới; khu HRC; khu trạm A Zipline; khu vực nhà hàng Datanla; khu vực thác 3; khu vực thác 1), sau đó thu gom về các bồn chứa trung chuyển và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 60 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải nhà ăn (nguồn số 06) được đưa qua bể tách mỡ, sau đó thu gom về các bồn chứa trung chuyển và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 60 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học SBR → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 60m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất khử trùng Chloride, men vi sinh (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước cấp:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mặt từ thác Datanla → Bể chứa nước → Lọc áp lực → Khử mùi, màu → Máy ozon → Bể chứa nước sau xử lý → Sử dụng cho sinh hoạt.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào nhật ký vận hành hàng ngày.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được đưa về để xử lý lại.

- Định kỳ vệ sinh, sục rửa bồn lọc hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này, cơ sở sẽ dùng xả nước thải ra nguồn tiếp nhận, nước thải sẽ được lưu chứa tại các bể thu gom (với thể tích khoảng 5m³ và bể điều hoà với thể tích 42 m³) để lưu chứa nước thải trong vòng 16 giờ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí (tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Ít nhất 01 ngày/lần trong ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường và đạt yêu cầu về chất lượng

nước thải quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận các công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng số 02.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 1316448; Y = 575740.
- Nguồn số 02: X = 1316442; Y = 576002.
- Nguồn số 03: X = 1316446; Y = 575994.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy móc thiết bị.
- 1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

1.3. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật mềm thải	14 01 05	10
2	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật cứng thải	14 01 06	15
3	Bộ lọc dầu thải	15 01 02	5
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
6	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	200
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại dính dầu nhớt)	18 02 01	30
Tổng khối lượng			265

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ bể tự hoại	101.640
2	Bùn sinh học thải ra từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	6.400
3	Chất thải rắn công kênh	100
Tổng khối lượng		108.140

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 89,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy sắt, thùng nhựa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Số lượng: 01.

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực kho chứa chất thải nguy hại là phòng kín, có cửa khóa, mặt sàn là nền đá bê tông kín khí, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái và vách là tấm tôn che kín nắng, mưa, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật trên diện tích đất 1.010.569,3 m² (tương đương 101,05493 ha) trên tổng diện tích đất của dự án là 1.044.269 m² (tương đương 104,4269 ha) được phê duyệt tại Quyết định số 2839/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng bãi đậu xe công cộng ẩn dưới tán rừng Datanla, diện tích 7,0 ha” và Quyết định số 2202/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu du lịch sinh thái thác Datanla”.

2. Các hạng mục công trình phải tiếp tục thực hiện căn cứ Quyết định số 2839/QĐ-BTNMT và Quyết định số 2202/QĐ-BTNMT:

2.1. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu vực A (Khu du lịch sinh thái thác Datanla) có diện tích 32.824 m², gồm:

- Tại khu vực A1:

+ Công trình có mái che: Nhà dừng chân, kết hợp bảo vệ; chòi nghỉ chân; nhà trò chơi “Hành trình trên cao”; máng trượt 2; nhà vệ sinh công cộng.

+ Công trình không có mái che: Trò chơi “Hành trình trên cao” vượt suối; nhà vệ sinh công cộng ngầm; tuyến du khảo; sân bãi điểm dừng chân; đường đi bộ, cầu đi bộ và giao thông lộ giới.

- Tại khu vực A2:

+ Công trình có mái che: Chòi nghỉ chân; nhà hàng; nhà nghỉ trên cây; nhà hàng và bếp tự phục vụ; trò chơi “Hành trình trên cao” vượt suối; máng trượt 2; nhà vệ sinh công cộng.

+ Công trình không có mái che: Trò chơi “Hành trình trên cao” vượt suối; tuyến du khảo; sân bãi điểm dừng chân.

- Tại khu vực A3 (ngoài ranh giới của Danh lam thắng cảnh thác Datanla):

+ Công trình có mái che: Trạm cấp nước.

+ Công trình không có mái che: Công trình dựa vào điều kiện tự nhiên.

2.2. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu vực B (bãi đậu xe dưới tán rừng) có diện tích

875,7 m², gồm: Nhà tiếp tân, nhà vệ sinh.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi tiến hành hoàn thiện các hạng mục trên, Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định của chính quyền địa phương.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến phần phạm vi, diện tích đất của dự án và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan, quy hoạch tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Chỉ được xây dựng các hạng mục công trình trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng, cấp phép xây dựng và theo đúng các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Các hạng mục công trình của dự án chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Khu du lịch hồ Tuyền Lâm, thành phố Đà Lạt đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Trong đó, đảm bảo thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi thác Datanla theo đúng quy định; tổ chức đa dạng các loại hình, hoạt động du lịch gắn với giá trị cảnh quan và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định và yêu cầu tại Quyết định 43/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và các quy định khác của chính quyền địa phương.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.